

Số: 1260/TB-ĐHTN

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 6 năm 2022

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2022

Căn cứ Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo Quyết định số 982/QĐ-ĐHTN ngày 25 tháng 05 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên;

Trường Đại học Tây Nguyên thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2022, như sau:

I. CÁC NGÀNH TUYỂN SINH VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
1	Khoa học cây trồng	9620110	5	Người dự tuyển trình bày dự thảo đề cương nghiên cứu, dự kiến kế hoạch học tập và nghiên cứu toàn khóa trước Hội đồng chấm đề cương
2	Lâm sinh	9620205	5	
3	Kinh tế nông nghiệp	9620115	5	
4	Chăn nuôi	9620105	5	
5	Công nghệ sinh học	9420201	5	

II. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã được công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên; nghiên cứu viên của cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại phụ lục của thông báo này còn hiệu lực đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do Nhà trường quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

III. DANH MỤC NGÀNH DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Stt	Ngành đào tạo	Ngành tốt nghiệp phù hợp		Ngành thạc sĩ sẽ phải học bổ sung sau khi trúng tuyển tiến sĩ
		Đại học	Thạc sĩ	
1	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp; Khoa học cây trồng; Nông học; Bảo vệ thực vật; Khuyến nông; Chọn tạo giống cây trồng; Làm vườn, rau hoa quả; Sinh học thực nghiệm; Khoa học đất; Môi trường nông nghiệp; Nông Lâm kết hợp; Sư phạm kỹ thuật nông lâm.	Khoa học cây trồng	Bảo vệ thực vật, Di truyền và chọn giống cây trồng <i>Các trường hợp khác với các ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên.</i>
2	Lâm sinh	Lâm Sinh; Lâm học; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý tài nguyên rừng và môi trường.	Lâm học, Lâm sinh	Quản lý tài nguyên rừng. <i>Các trường hợp khác với ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên.</i>
3	Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế nông lâm	Kinh tế nông nghiệp	1. Khối ngành Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản: Khoa học đất, Chăn nuôi, Khoa học cây trồng, Di truyền và chọn giống cây trồng, Bảo vệ thực vật, Hệ thống nông nghiệp; Lâm học, Quản lý tài nguyên rừng; Nuôi trồng thủy sản, Quản lý nguồn lợi thủy sản. 2. Khối ngành Kinh tế học: Kinh tế học, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế. 3. Khối ngành Kinh doanh và Quản lý: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại, Tài

				chính - Ngân hàng, Kế toán, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Quản lý kinh tế, Quản lý khoa học và công nghệ.
4	Chăn nuôi	Chăn nuôi, Chăn nuôi Thú y, Thú y	Chăn nuôi	1. Nuôi trồng Thủy sản 2. Sinh học 3. Thú y
5	Công nghệ Sinh học	Công nghệ sinh học; Sinh học thực nghiệm; Sinh học ứng dụng; Hóa sinh; Vi sinh; Sinh lý thực vật.	Công nghệ sinh học; Sinh học thực nghiệm; Sinh học ứng dụng; Hóa sinh; Vi sinh; Sinh lý thực vật.	Chăn nuôi; Khoa học cây trồng; Di truyền và chọn giống cây trồng; Bảo vệ thực vật; Nuôi trồng thủy sản; Công nghệ môi trường; Thú y; Chế biến thủy sản; Y học; Dược học; Chế biến thực phẩm; Công nghệ thực phẩm; Chế biến thủy sản. <i>Các trường hợp khác với các ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên.</i>

IV. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

1. Hình thức đào tạo: chính quy tập trung

2. Thời gian đào tạo:

a) Đối với người có bằng thạc sĩ: 03 năm (36 tháng)

b) Đối với người chưa có bằng thạc sĩ: 04 năm (48 tháng)

V. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀ LỆ PHÍ DỰ TUYỂN

1. Hồ sơ dự tuyển

a) Phiếu đăng ký dự tuyển (*mẫu số 1*)

b) Bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, chứng chỉ hoặc bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu;

c) Sơ yếu lý lịch (*mẫu số 2*) có xác nhận của cơ quan công tác hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú (đối với ứng viên tự do);

d) Lý lịch khoa học (*mẫu số 3*);

đ) Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học quy định tại mục yêu cầu đối với người dự tuyển của thông báo này (*07 bộ, theo mẫu số 4*);

e) Dự thảo đề cương nghiên cứu, dự kiến kế hoạch học tập và nghiên cứu toàn khóa. (*07 bộ, theo mẫu số 5*)

g) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu (mẫu số 6);

h) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức)

i) Các giấy tờ pháp lý về đối tượng ưu tiên (nếu có);

j) 02 ảnh 3x4 (chụp không quá 3 tháng) và 02 phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ, số điện thoại của người dự tuyển.

2. Lệ phí dự tuyển

- Lệ phí dự tuyển : 200.000đ/ứng viên.

- Phí Hội đồng xét duyệt dự thảo đề cương nghiên cứu: 1.650.000/ứng viên.

VI. KẾ HOẠCH TUYỂN SINH

1. Thời gian nộp hồ sơ dự tuyển: từ ngày ra thông báo đến hết ngày 30/8/2022

2. Thời gian trình bày đề cương nghiên cứu (dự kiến): 15-16/10/2022.

3. Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: 07/11/2022

4. Thời gian nhập học (dự kiến): 12/2022

VII. HỌC PHÍ

- Học phí thu theo qui định của Trường Đại học Tây Nguyên.

- Lộ trình tăng học phí từng năm thực hiện theo qui định.

VIII. ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP HỒ SƠ

Hồ sơ đăng ký và mọi chi tiết khác có liên quan xin liên hệ: Phòng Truyền thông và Tư vấn tuyển sinh, Trường Đại học Tây Nguyên, 567 Lê Duẩn, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.

Điện thoại hotline: 0965.16.44.45

Website: tuyensinh.ttn.edu.vn.

Nơi nhận:

- Các đơn vị liên quan;
- Đăng Website Trường DHTN;
- Lưu: VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG *nl*

TS. Nguyễn Thanh Trúc

PHỤ LỤC
DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO
TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

(Kèm theo Thông báo số 1260/TB-ĐHTN ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HsK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	TPKH - TecT no pyccKOMy 33biKy KaK HHOCTpaHHOMy (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	TPKH-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên
8	Tiếng Anh	Aptis (Hội đồng Anh)	B2 (General)
9	Tiếng Anh	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency	VSTEP.3-5 (6.0)

ĐH